

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN

Số: 105/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 20 tháng 8 năm 2015

### QUYẾT ĐỊNH

Công bố kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp  
và xếp loại viên chức quản lý doanh nghiệp nhà nước năm 2014

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính Ninh Thuận tại Tờ trình số 2274/TTr-STC ngày 06 tháng 8 năm 2015,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và xếp loại viên chức quản lý doanh nghiệp nhà nước năm 2014 tỉnh Ninh Thuận như sau (đính kèm Biểu chi tiết):

Số TT	Doanh nghiệp	Xếp loại doanh nghiệp	Xếp loại viên chức quản lý
1	Công ty TNHH một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận	A	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
2	Công ty TNHH một thành viên Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận	A	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
3	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ninh Sơn	B	Hoàn thành nhiệm vụ.
4	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Tân Tiến	C	Không hoàn thành nhiệm vụ
5	Công ty cổ phần Cấp nước	A	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
6	Công ty cổ phần Công trình đô thị	B	Hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 2.** Căn cứ kết quả xếp loại doanh nghiệp nêu tại Điều 1, các Công ty nêu trên trích Quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp theo quy định hiện hành của Nhà nước và thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định; đồng thời có trách nhiệm công bố công khai kết quả xếp loại doanh nghiệp năm 2014 theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Nội vụ; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh; Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

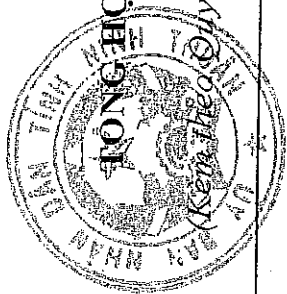
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Tài chính DN; (báo cáo)
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT. BCD ĐM và PTDN tỉnh;
- VPUB: LĐ, TH;
- Lưu: VT.NĐT

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Võ Đại**



# HỘI ĐỒNG KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP

Năm 2014

(Kèm theo Quyết định số 1813/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Tên doanh nghiệp nhà nước	Chỉ tiêu 1 (tr.đồng)				Chỉ tiêu 2						Chỉ tiêu 3				Chỉ tiêu 4 Xếp loại	Chỉ tiêu 5 Xếp loại	Xếp loại DN
	Doanh thu và thu nhập khác		Lợi nhuận (tr.đồng)		Vốn nhà nước (tr.đồng)		Tỷ suất LN/vốn NN (%)		Xếp loại	Nợ quá hạn (tr.đ)	Khả năng thanh toán nợ		Xếp loại				
	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện			TS ngắn hạn	Nợ ngắn hạn		TSNH/NNH			
<b>A. Công ty 100% vốn nhà nước</b>																	
<b>I. DN kinh doanh:</b>																	
1. Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận	189,000	190,388	A	12,000	13,840	50,000	46,022	24,000	30.073	A	0	66,716	26,943	2.48	A	A	A
2. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn	12,198	24,725	A	594	2,518	2,987	2,840	19,896	88.653	A	0	9,240	6,684	1.38	A	B	B
3. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tân Tiến	9,760	11,552	A	686	364	8,292	7,249	8.27	5.022	C	0	3,260	1,099	2.97	A	B	C
<b>II. DN thực hiện nhiệm vụ công ích</b>																	
1. Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi Ninh Thuận	66,510	73,810	A	Đơn vị hoạt động công ích không xếp loại Chỉ tiêu này							0	25,615	18,479	1.39	A	A	A
<b>B. Công ty CP (vốn NN trên 50%)</b>																	
<b>I. DN kinh doanh:</b>																	
1. Công ty CP Cấp nước Ninh Thuận	97,914	111,702	A	15,450	22,672	86,914	73,775	17.776	30.731	A	0	169,039	97,355	1.74	A	A	A
2. Công ty CP Công trình đô thị Ninh Thuận	3,700	3,814	A	40,000	69	5,966	5,966	0.670	1.160	A	0	2,450	455	5.38	A	B	B

- Chỉ tiêu 4: Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành.

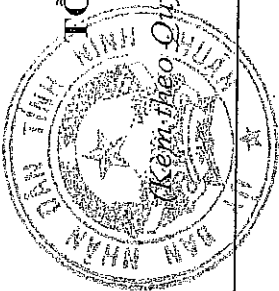
- Chỉ tiêu 5: Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích.

VNV

# TỔNG HỢP BÁO CÁO XẾP LOẠI VIÊN CHỨC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Năm 2014

/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)



TT	Tên Doanh nghiệp	Tỷ suất lợi nhuận/vốn nhà nước đầu tư			Doanh nghiệp xếp loại	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của VCQL	Xếp loại viên chức quản lý DN
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/Kế hoạch			
<b>A</b>	<b>Công ty 100% vốn nhà nước</b>						
<b>I</b>	<b>DN kinh doanh:</b>						
1	1. Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận	24.00	30.000	125%	A	Thực hiện tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
3	2. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn	19.90	88.653	446%	B	Thực hiện chưa đầy đủ	Hoàn thành nhiệm vụ
4	3. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tân Tiến	8.27	5.022	61%	C	Thực hiện chưa tốt	Không hoàn thành nhiệm vụ
<b>II</b>	<b>DN thực hiện nhiệm vụ công ích</b>						
1	1. Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi Ninh Thuận	0.22	0.290	132%	A	Thực hiện tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
<b>B</b>	<b>Công ty cổ phần (Vốn NN trên 50%)</b>						
<b>I</b>	<b>DN kinh doanh:</b>						
1	1. Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận	17.78	30.731	173%	A	Thực hiện tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
2	2. Công ty cổ phần Công trình đô thị Ninh Thuận	0.67	1.160	173%	B	Thực hiện chưa đầy đủ	Hoàn thành nhiệm vụ

Vũ

Số : .../BC-KTTL-KH

Ninh Thuận, ngày 18 tháng 3 năm 2015

## BÁO CÁO

V/v đánh giá xếp loại doanh nghiệp và kết quả hoạt động của viên chức quản lý doanh nghiệp năm 2014 của công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận.

**Kính gửi : Sở Tài Chính tỉnh Ninh Thuận.**

Căn cứ Nghị Định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ quy định về ban hành quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận (đã được kiểm toán) tại thời điểm 31/12/2014;

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi lập báo cáo đánh giá hiệu quả, xếp loại doanh nghiệp và kết quả hoạt động của viên chức quản lý doanh nghiệp năm 2014 theo Biểu số 01 và Biểu 02 – Mẫu số 04; Biểu 2 – Mẫu 2 ; của Thông tư 158/2013/TT-BTC. (Có kèm bảng giải trình các chỉ tiêu nhà nước giao)

Nay đề nghị Sở Tài Chính xem xét./.

**Nơi nhận :**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch Cty +KSV;
- Lưu VT-KH(02)



**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Văn Hường**

**ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2014**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

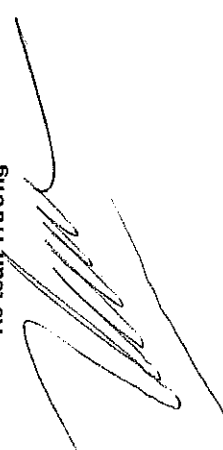
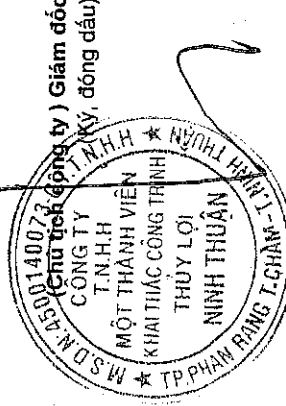
Loại hình doanh nghiệp: **Doanh nghiệp công ích 100% vốn nhà nước**

Chỉ tiêu 1 (tr.đồng)		Chỉ tiêu 2						Chỉ tiêu 3				Chỉ tiêu 4	Chỉ tiêu 5	
Doanh thu và thu nhập khác		Lợi nhuận (triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất LN/vốn (%)		Khả năng thanh toán nợ hạn		Nợ quá hạn (tr.đồng)		Xếp loại	Xếp loại	Xếp loại DN
KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	TSNH (tr.đồng)	Nợ NH (tr.đồng)	TSNH/NNH (lần)	TSNH/NNH (lần)	Xếp loại	Xếp loại	Xếp loại DN
66.510	73.810	3.685	4.599	1.641.453	1.603.373	0,22	0,29	25.615	18.479	1,39		A	A	A

Người lập biểu



Kế toán Trưởng

(Chữ ký riêng của Giám đốc doanh nghiệp)  
 (Ký, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Văn Hường

Biểu 02 - Mẫu số 02

## BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Thông tư 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài Chính)

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận

Năm báo cáo : 2014

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận

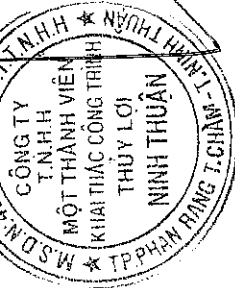
TT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu (Triệu đồng)	Lợi nhuận thực hiện (triệu đồng)	Nộp ngân sách (triệu đồng)	Phân loại doanh nghiệp		Ghi chú
					An toàn về tài chính	Mất an toàn về tài chính	
1	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	72.811	4.599	3.030	X		

Người lập biểu

Lê Phước

Ninh Thuận, ngày 15 tháng 3 năm 2015

Giám Đốc



Phạm Văn Hùng

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA VIÊN CHỨC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2014**

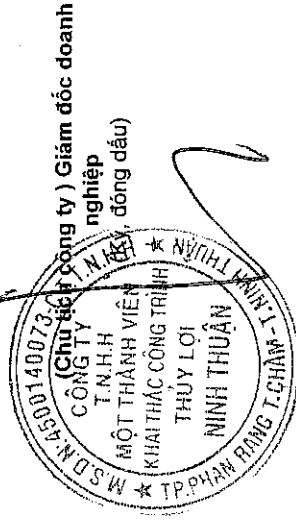
(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn CSH			Kết quả xếp loại Doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của VCQL	Xếp loại hoạt động VCQL Doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/Kế hoạch			
1	2	3	4	5	6	7	8
	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	0,22	0,29	132	A	Thực hiện tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

**Ghi chú:** Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Viên chức quản lý được phân loại theo các mức độ: Thực hiện tốt, Không thực hiện tốt và theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Người lập biểu

Kế Toán Trưởng  
(Ký)



**NGUYỄN THỊ MINH THÔNG**



Ủy BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN  
CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC  
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

**GIẢI TRÌNH CHỈ TIÊU TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ  
CÔNG ÍCH NHÀ NƯỚC GIAO NĂM 2014 (Chỉ tiêu 5)**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	Tỷ lệ TH/KH %
1	Diện tích tưới	Ha	67.728	69.286	102
	-Diện tích miễn thu thủy lợi phí	"	67.233	68.693	102
	Trong đó: +Vụ đông Xuân	:	24.226	25.153	104
	+Vụ hè Thu	"	20.013	20.041	100
	+Vụ Mùa	"	22.994	23.499	102
	-Diện tích phải thu thủy lợi phí	"	495	593	120
2	Doanh thu	Triệu đồng	66.510	73.810	111
a	Doanh thu thủy lợi phí	"	65.010	66.649	103
	-Doanh thu thủy lợi phí cấp bù	"	54.573	54.816	100
	-Doanh thu thủy lợi phí phải thu		340	407	120
	-Doanh thu thủy lợi phí và dịch vụ cấp nước	"	10.097	11.426	113
b	Doanh thu khác	"	1.500	7.161	477
3	Tổng chi phí	"	62.825	69.211	110
	Trong đó:	"			
	-CP từ nguồn thủy lợi phí, tiền nước	"	62.075	65.364	105
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế	Triệu đồng	3.685	4.599	125
5	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	1.052	1.886	179
6	Tỷ suất lợi nhuận/ vốn nhà nước		0,22%	0,29%	132

**Giải trình:** Các chỉ tiêu theo Văn bản số 4374/UBND-TH ngày 17/09/2013 của UBND tỉnh về việc thống nhất chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 cho công ty như sau:

**1.Diện tích tưới:** Trong năm 2014 theo kế hoạch diện tích tưới là 67.278 ha. Nhưng trong năm công ty đã thực hiện được là 69.286 ha đạt 102% so với kế hoạch.

-Diện tích tưới miễn thu thủy lợi phí theo kế hoạch là 67.233 ha thực hiện được là 68.693 ha đạt 102% kế hoạch.

-Diện tích phải thu thủy lợi phí theo kế hoạch 495 ha thực hiện là 593 ha đạt 119% so với kế hoạch

**2.Doanh thu:** gồm có doanh thu thủy lợi phí và doanh thu khác.

-Doanh thu cấp bù miễn thu thủy lợi phí theo kế hoạch là 54.573 triệu đồng, thực hiện là 54.816 triệu đồng đạt 100% so với kế hoạch.

-Doanh thu thủy lợi phí không cấp bù theo kế hoạch là : 304 triệu đồng trong năm thực hiện được là 407 triệu đồng đạt 120% so với kế hoạch.

-Doanh thu thủy lợi phí không cấp bù và dịch vụ cấp nước theo kế hoạch là : 10.097 triệu đồng trong năm thực hiện được là 11.426 triệu đồng đạt 113% so với kế hoạch.

-Doanh thu và thu nhập khác thực hiện : 7.160 triệu đồng gồm doanh thu nhận thầu xây lắp 4.083 triệu đồng, doanh thu hoạt động tài chính là 2.078 triệu đồng (tiền gửi ngân hàng) còn lại thu nhập khác. Theo kế hoạch 1.500 triệu đồng

### 3. Chi phí từ nguồn thủy lợi phí tiền nước : (Các chỉ tiêu chính)

-Chi phí tu sửa công trình : theo kế hoạch được duyệt là 21.000 triệu đồng thực hiện là 24.886 triệu đồng đạt 118% kế hoạch. (Chi phí tu sửa công trình tăng hơn so với kế hoạch là do bổ sung thêm công trình từ doanh thu từ thu tiền cấp nước tăng thêm, do tiết kiệm các khoản chi phí hoạt động...).

-Chi phí sửa chữa thường xuyên, và nạo vét kênh mương : thực hiện là 5.480 triệu đồng .

-Chi phí hoạt động khai thác công trình thủy lợi: là 34.999 triệu đồng .

4. Lợi nhuận thực hiện: theo kế hoạch 3.685 triệu đồng ; thực hiện là 4.599 triệu đồng so với kế hoạch đạt 125 % .

5. Nộp ngân sách nhà nước: trong năm công ty đã nộp ngân sách nhà nước là 3.030 triệu đồng. Trong đó : số phải nộp theo quyết toán của năm trước chuyển sang là 1.144 triệu đồng; Nộp cho chỉ tiêu năm 2014 là 1.886 triệu đồng so với kế hoạch 1.052 triệu đồng đạt 179 % .

6. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước: Năm 2014 kế hoạch tỷ suất lợi nhuận 0,22%. Thực hiện tỷ suất lợi nhuận bình quân đạt 0,29% .

Tỷ suất lợi nhuận theo kế hoạch Lợi nhuận/ vốn chủ sở hữu = 3.685 tr.đồng /1.641.453 tr.đồng x 100 = 0,22%

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước của Công ty được tính từ vốn nhà nước bình quân năm 2014 được tính cụ thể :

Vốn nhà nước đầu năm :	1.520.717.684.310	đồng
Vốn nhà nước cuối năm :	1.686.028.604.825	đồng
Vốn Nhà nước bình quân năm 2014:	1.603.373.144.568	đồng
Lợi Nhuận Năm 2014	4.599.179.642	đồng
Tỷ suất lợi nhuận BQ năm 2014 (%)	0,29	%

Như vậy các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước giao về nhiệm vụ công ích năm 2014 công ty đều đạt và vượt vì vậy chỉ tiêu số 5 biểu số 3 công ty tự xếp loại A

Trên đây là bảng giải trình so sách các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 của công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận.

Người lập

Lê Phước



Phạm Văn Hường ngày 17 tháng 03 năm 2015

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Hường

**TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2014**  
 ( Ban hành kèm theo Thông tư 2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài Chính)

	Nội dung	năm 2012	năm 2013	Thực hiện năm 2014		Biến động so với (tỷ lệ %)		
				[1]	[2]	Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2012
				[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
<b>A</b>	<b>Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh</b>							
1	Sản lượng sản xuất SP chủ yếu diện tích (ha)	64.586	67.328	67.728	69.286	107,28	102,91	102,30
2	Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu Khối lượng nước (m <sup>3</sup> )	9.970.854	11.075.798	11.781.734	12.511.697	125,48	112,96	106,20
3	Tồn kho cuối kỳ	x	x	x	x	x	x	x
<b>B</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính</b>							
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.479.899.055	68.350.590.230	65.010.000.000	70.732.433.781	140,12	103,48	108,80
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-
3	DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.479.899.055	68.350.590.230	65.010.000.000	70.732.433.781	140,12	103,48	108,80
4	Giá vốn hàng bán	43.479.979.332	59.591.647.539	58.505.000.000	64.170.720.158	147,59	107,68	109,68
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.999.919.723	8.758.942.691	6.505.000.000	6.561.713.623	93,74	74,91	100,87
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.611.344.988	1.116.746.137	1.500.000.000	2.078.985.137	79,61	186,16	138,60
7	Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-
8	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.929.303.573	5.155.465.883	4.320.000.000	5.008.573.427	101,61	97,15	115,94
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.681.961.138	4.720.222.945	3.685.000.000	3.632.125.333	77,58	76,95	98,57
11	Thu nhập khác	737.457.525	1.301.582.488	-	998.898.039	135,45	76,74	

12	Chi phí khác	119.980.802	67.333.282	-	31.843.730	26,54	47,29	
13	Lợi nhuận khác	617.476.723	1.234.249.206	-	967.054.309	156,61	78,35	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.299.437.861	5.954.472.151	3.685.000.000	4.599.179.642	86,79	77,24	124,81
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	902.631.136	801.600.130	301.000.000	785.345.957	87,01	97,97	260,91
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	4.396.806.725	5.152.872.021	3.384.000.000	3.813.833.685	86,74	74,01	112,70

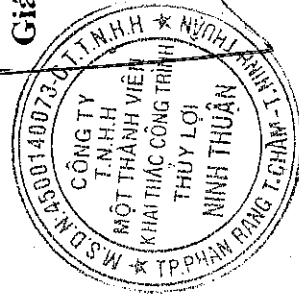
Người lập



Lê Phước

Ninh Thuận, ngày 15 tháng 3 năm 2015

Giám Đốc



Phạm Văn Hùng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH**

(Ban hành kèm theo Thông tư 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài Chính)

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận

Năm báo cáo : 2014

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận

TT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu (Triệu đồng)	Lợi nhuận thực hiện (triệu đồng)	Nợ ngân sách (triệu đồng)	Phân loại doanh nghiệp		Ghi chú
					An toàn về tài chính	Mất an toàn về tài chính	
1	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	72.811	4.599	3.030	x		

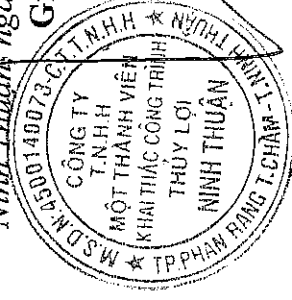
Người lập biểu



Lê Phước

Ninh Thuận ngày 15 tháng 3 năm 2015

Giám Đốc



Phạm Văn Hường

Biểu 04 - Mẫu số 01

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH NĂM 2014**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư 2013/TT-BTC ngày 13/1/2013 của Bộ Tài Chính)

Nội dung		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm				
	- Diện tích tưới (ha)	67.728	69.286	102	103
	- Khối lượng cung cấp nước (m3)	11.781.734	12.511.697	106	113
2	Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu	x	x	x	x
3	Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu	x	x	x	x
4	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm (triệu đồng)	62.075	65.364	105	118
5	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	65.010	66.649	103	105

Ninh Thuận, ngày 15 tháng 3 năm 2015

Người lập

Giám Đốc

Lê Phước



Phạm Văn Hường

**TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT NĂM 2014***(Ban hành kèm theo Thông tư 2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài Chính)*

		Có	Không
1	Trong năm vừa qua, doanh nghiệp có tuân thủ <i>(không bị xử phạt hành chính)</i> và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách hay không?	X	
2	Doanh nghiệp có tuân thủ đầy đủ <i>(có quy trình, nhân viên được đào tạo và phổ biến về quy trình, không bị xử phạt hành chính và/hoặc trên hành chính, ...)</i> các quy định về an toàn vệ sinh môi trường và xử lý chất thải không?	X	
3	Doanh nghiệp có thực hiện đầy đủ chế độ chính sách <i>(chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, v.v...)</i> cho người lao động hay không?	X	
4	Doanh nghiệp có bị lập biên bản vi phạm hành chính nào khác liên quan đến việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật không?		X

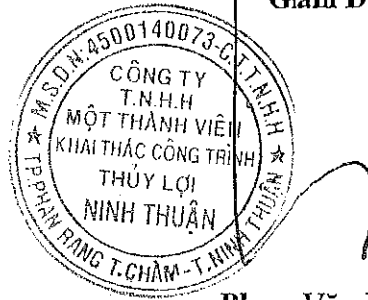
Ghi chú: Trong năm 2014 doanh nghiệp chấp hành tốt các chế độ chính sách của nhà nước không để xảy ra vi phạm, nên không có bị lập biên bản hành chính nào liên quan đến việc chấp hành chế độ chính sách pháp luật.

Ninh Thuận, ngày 15 tháng 3 năm 2015

Người lập

Giám Đốc

Lê Phước



Phạm Văn Hùng

**TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VỐN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN NĂM 2014***(Ban hành kèm theo Thông tư 2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài Chính)*

	Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Hệ số bảo toàn vốn
A	<b>A. Vốn chủ sở hữu, trong đó:</b>	<b>1.520.716</b>	<b>1.686.028</b>	1,11
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.519.478	1.685.997	1,11
2	Quỹ đầu tư phát triển	1.207	-	-
3	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	31	31	1,00
B	<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.542.784</b>	<b>1.708.321</b>	<b>1,11</b>
C	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>X</b>	<b>3.813</b>	
D	<b>Hiệu quả sử dụng vốn</b>			
1	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROA)	X	0,0023	X
2	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROE)	X	0,0022	X

Ninh Thuận, ngày 15 tháng 3 năm 2015

Người lập



Lê Phước

Giám Đốc



Phạm Văn Hương



**TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2014**  
(Ban hành kèm theo Thông tư 2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài Chính)

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
1. Quỹ Đầu tư phát triển	1.207	-	1.207	-
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	3.530	4.396	3.350	4.576
3. Quỹ thưởng VCQLDN	22	130	152	-
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN		638	638	-
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				-

Ghi chú :

Quỹ đầu tư phát triển bổ sung từ quỹ dự phòng tài chính đến ngày 31/12/2013, trong năm 2014 công ty đã nộp vào quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

Quỹ khen thưởng phúc lợi tăng trong năm trích từ lợi nhuận năm 2013.

Quỹ khen thưởng phúc lợi giảm trong năm 2014 do chi khen thưởng trực tiếp cho người lao động và các đơn vị cá nhân tập thể có đóng góp cho công ty theo quy chế thi đua khen thưởng của công ty.

Quỹ thưởng viên chức quản lý tăng trích từ lợi nhuận năm 2013 theo Văn bản số 2804/UBND-TH ngày

Quỹ thưởng viên chức quản lý giảm do chi thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp vì kết thúc nhiệm kỳ.

Ninh Thuận, ngày 15 tháng 3 năm 2015

Giám Đốc *[Chữ ký]*

Người lập

*[Chữ ký]*

Lê Phước



Phạm Văn Hường

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA TẬP ĐOÀN/ TỔNG CÔNG TY**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư 2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài Chính)

**Năm báo cáo 2014**

	Chỉ tiêu	Năm trước năm báo cáo	Năm báo cáo	Tỷ lệ % Năm BC/Năm trước
1	Tổng tài sản	1.542.784	1.708.321	111
2	Vốn chủ sở hữu	1.520.716	1.686.028	111
3	Nợ phải thu	7.889	2.276	29
	Trong đó: Nợ khó đòi			
4	Nợ phải trả	16.913	18.478	109
	Trong đó: Nợ quá hạn			
5	Lợi nhuận phát sinh	5.152	3.813	74

Ninh Thuận, ngày 15 tháng 3 năm 2015

Người lập

Giám Đốc

Lê Phước



Phạm Văn Hùng